TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 8 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim.

2. Ông Hà Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy Th, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Số nhà 06, đường số 20, tổ 5, thôn 10, xã Đức Tín, huyện Đ, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Võ Trung A, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Số nhà 21, đường số 11, tổ 6, thôn 6, xã Đức Tín, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy Th trình bày:

Chị và anh Võ Trung A tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn số 14/2015, ngày 13/3/2015 tại UBND xã Đức Tín, huyện Đ, tỉnh B. Quá trình anh chị chung sống được 5 năm cho đến tháng 12 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh A thường xuyên xin tiền mua ma túy đá để sử dụng nhưng chị không cho nên anh A gây gỗ đánh đập chị gây thương tích. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh A, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Võ Nguyễn Tú Quỳnh, sinh ngày 05/3/2013; Võ Nguyễn Phú Quốc, sinh ngày 24/11/2015 và Võ Anh Thư, sinh ngày 02/5/2018. Nay chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Võ Nguyễn Tú Quỳnh, sinh ngày 05/3/2013 và Võ Anh Thư, sinh ngày 02/5/2018, chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con; còn anh A phải nuôi dưỡng 01 con Võ Nguyễn Phú Quốc, sinh ngày 24/11/2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thể hiện trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Võ Trung A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc xác lập quan hệ hôn nhân đúng như chị Th trình bày. Sau khi kết hôn anh A và chị Th chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng thì anh A thừa nhận có đánh chị Th thì chị bỏ về nhà cha ruột sinh sống cho đến nay. Bản thân anh A vẫn còn tình cảm với chị Th, và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ lại với nhau nên anh A không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh A thống nhất như phần trình bày của chị Th. Tuy nhiên, do không đồng ý ly hôn nên anh A không có ý kiến gì về quyền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên anh A không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với bị đơn là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy Th và anh Võ Trung A tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn số 14/2015, ngày 13/3/2015 tại UBND xã Đức Tín, huyện Đ, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh A thường xuyên xin tiền mua ma túy đá để sử dụng nhưng chị Th không cho nên anh A gây gỗ đánh đập chị gây thương tích. Nay, chị Th xác định không còn tình cảm với anh A nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A. Trong quá trình làm việc mặc dù anh A cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Th và không đồng ý lý hôn. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng chị Th vẫn cương quyết ly hôn, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử công khai.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho chị Th ly hôn anh A là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Võ Nguyễn Tú Quỳnh, sinh ngày 05/3/2013; Võ Nguyễn Phú Quốc, sinh ngày 24/11/2015 và Võ Anh Thư, sinh ngày 02/5/2018. Từ khi ly thân cho đến nay cháu Quốc do anh A nuôi dưỡng, còn cháu Quỳnh và cháu Thư do chị Th nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Võ Nguyễn Tú Quỳnh và Võ Anh Thư; còn anh A phải nuôi dưỡng 01 con Võ Nguyễn Phú Quốc.

Xét thấy trong thời gian anh chị sống ly thân thì cháu Quốc sống với anh A, còn hai cháu Quỳnh và Thư cùng sống với chị Th đều được đảm bảo cho các cháu phát triển tốt. Từ đó, cần giao các con cho anh chị trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng và yêu cầu của chị Th là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nay chị Th không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng

án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Th là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy Th ly hôn anh Võ Trung A.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Thúy Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con là Võ Nguyễn Tú Quỳnh, sinh ngày 05/3/2013 và Võ Anh Thư, sinh ngày 02/5/2018;

Anh Võ Trung A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 (một) con Võ Nguyễn Phú Quốc, sinh ngày 24/11/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị Thúy Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003593 ngày 08 tháng 5 năm 2020. Chị Nguyễn Thị Thúy Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (27/8/2020). Báo cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THA huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Tín;*
- *TAND tỉnh;*
- *Lưu HSVA, QĐ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý